TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/DS-ST
Ngày: 16-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Nhàn

2. Bà Nguyễn Thị Thu ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 59, đường Pasteur, khu phố A, phường B, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 67, đường Phạm T, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 04/8/2022), có mặt.

2. Bị đơn: Trần Duy H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Xóm M, xã Trí B, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Từ trình bày:

Ngày 15/9/2021 chị Nguyễn Thị Thùy L có cho anh Trần Duy H vay số tiền 400.000.000 đồng. Chị xác định vay với lãi suất 2%/tháng, hẹn sau 03 tháng sẽ trả. Giấy nợ là do anh H tự viết và ký tên. Tuy nhiên anh H chưa trả cho chị gốc lãi.

Đến ngày 22/11/2021 anh H vay tiếp của chị số tiền 450.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng và hẹn 1 tháng sau sẽ trả theo giấy nợ nH cũng cho thời hạn từ 1 - 3 tháng. Số tiền này chị L cho vay một lần, không phải là giấy chốt nợ như anh H đã trình bày.

Đến hạn trả nợ, chị nhiều lần liên hệ thì tháng 12/2021 anh H trả được số tiền 200.000.000 đồng thì ngưng. Việc trả nợ không có làm biên nhận.

Nay chị L yêu cầu anh H trả tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo quy định pháp luật 10%/năm từ tháng 01/2022 cho đến khi giải quyết xong tính tròn 9 tháng. Chị L chỉ yêu cầu một mình anh H trả nợ, không yêu cầu vợ anh H cùng trả.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Duy H trình bày:

Đối với giấy nợ ngày 22/11/2021 số tiền 450.000.000 đồng:

Anh có vay tiền của chị Nguyễn Thị Thùy L nhiều lần, cụ thể các lần như sau:

- Khoảng tháng 3/2021 vay số tiền 130.000.000 đồng;

- Cách 1 tháng sau vay số tiền 170.000.000 đồng;

- Cách 1 tháng sau vay số tiền 50.000.000 đồng;

- Ngày 22/11/2021 vay số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng là 450.000.000 đồng, lãi suất vay tháng đầu tiên là 20%/tháng, tháng thứ hai trở đi giảm lãi còn 10%/tháng, lấy tiền lãi tháng đầu cùng ngày cho vay nH không có giấy tờ thể hiện. Thời hạn các lần vay là khoảng 3 tháng. Anh đóng lãi mỗi tháng 45.000.000 đồng, đóng trực tiếp cho chị L, không có giấy tờ giao nhận tiền lãi. Đến tháng 12 năm 2021 thì không đóng lãi nổi nữa.

Do không có điều kiện trả nợ gốc nên hai bên có gặp nhau làm giấy chốt nợ tổng số tiền là 450.000.000 đồng, anh có viết cho chị L giấy nợ ngày 22/11/2021 (thực chất ngày chốt nợ không phải ngày 22/11/2021 mà là ngày khác nH ghi trong giấy nợ là ngày 22/11). Sau khi viết giấy nợ chốt số tiền 450.000.000 đồng cho chị L thì do tin tưởng nên anh không lấy lại các giấy nợ cũ. Chị L có hứa sẽ xé bỏ giấy nợ cho anh, có nhắn tin qua zalo chị L bảo đã xé.

Khoảng cuối tháng 01 năm 2022 anh có trả trực tiếp cho chị L số tiền 100.000.000 đồng, khi đưa tiền không có giấy tờ ký nhận, không có ai chứng kiến.

Nay anh xác định trong giấy nợ 450.000.000 đồng anh còn nợ lại số tiền gốc là 350.000.000 đồng.

Đối với giấy nợ ngày 15/9/2021 số tiền 400.000.000 đồng:

Giấy nợ đúng là do anh viết và ký tên. Anh thừa nhận có nợ khoản vay trên, mục đích vay là để làm ăn. Thời hạn vay là 3 tháng, lãi suất 10%/tháng. Anh đóng lãi đầy đủ nH không có giấy tờ ký nhận. Đến cuối tháng 10 năm 2021 anh trực tiếp cầm tiền trả cho chị L toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng, khi trả không có làm giấy tờ ký nhận, chị L nói với anh sẽ xé bỏ giấy nợ. Anh xác định khoản vay này đã trả xong.

Nay anh chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 01 năm 2022 đến khi giải quyết xong với lãi suất 10%/tháng.

Đối với khoản tiền lãi đã đóng anh không có giấy tờ chứng minh nH vẫn yêu cầu được xem xét lại tiền lãi đã đóng. Vợ anh tên Nguyễn Thị Hải Nguyên, anh xác định việc vay mượn không liên quan đến vợ anh, một mình anh có trách nhiệm trả các khoản vay này.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: áp dụng Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh H trả cho chị L số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật mức lãi suất 10%/năm. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Thùy L vắng mặt nH có người đại diện theo ủy quyền, anh H có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: anh Trần Duy H thừa nhận chữ ký, chữ viết trong 02 giấy nợ với tổng số tiền vay 850.000.000 đồng chị L cung cấp khi khởi kiện đúng là của anh. Các bên đương sự thừa nhận khi vay có thỏa thuận lãi suất bên ngoài, thời hạn có ghi trong giấy nợ. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc vay số tiền 850.000.000 đồng giữa chị L và anh H là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[3] Xác định việc trả nợ gốc và nợ lãi:

[3.1] Anh H trình bày đối với khoản vay 400.000.000 đồng anh đã trả xong tiền gốc, cũng như khi vay anh có đóng tiền lãi cao vượt quy định pháp luật, tuy nhiên anh không có biên nhận trả nợ, không có ai chứng kiến, việc trả lãi cũng không có giấy tờ thể hiện. Quá trình giải quyết vụ án anh H cung cấp ảnh chụp nội dung tin nhắc zalo giữa anh và chị L nH chị L không thừa nhận tài khoản zalo là của chị, nội dung tin nhắn zalo không rõ ràng, anh H không cung cấp được chứng cứ khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để bảo vệ quyền lợi cho anh H, xác định khoản vay 400.000.000 đồng là chưa trả.

[3.2] Anh H trình bày đối với khoản vay 450.000.000 đồng anh đã trả nợ gốc được số tiền 100.000.000 đồng nH cũng không có chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, chị L thừa nhận anh H có trả cho chị tổng cộng hai khoản vay được số tiền là 200.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào nợ gốc. Xét thấy không có giấy tờ thể hiện việc trả nợ số tiền 200.000.000 đồng nH chị L vẫn thừa nhận là có lợi cho anh H. Do đó, anh H còn phải trả cho chị L nợ gốc là là 850.000.000 đồng – 200.000.000 đồng = 650.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: anh H yêu cầu tính lại lãi suất nH không có chứng cứ chứng minh việc đóng lãi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Các bên có thỏa thuận việc trả lãi, nH giấy nợ không thể hiện rõ mức lãi suất bao nhiêu và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Chị L yêu cầu tính lãi trong hạn theo quy định pháp luật 10%/năm từ tháng 01/2022 cho đến khi giải quyết xong tính tròn 9 tháng là phù hợp với quy định trên. Xác định mức lãi suất như sau:

650.000.000 đồng x 9 tháng x 10%/năm/12 tháng = 48.750.000 đồng.

[5] Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc anh H trả cho chị L số tiền gốc là 650.000.000 đồng, tiền lãi là 48.750.000 đồng, tổng cộng là 698.750.000 đồng.

Ghi nhận chị L và anh H không yêu cầu vợ anh H cùng có trách nhiệm trả nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

Anh Trần Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 31.950.000 đồng.

Chị L không phải chịu tiền án phí, chị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 đồng theo biên lai thu số 0017450 ngày 07/6/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của chị Nguyễn Thị Thùy L đối với anh Trần Duy H.

Buộc anh Trần Duy H có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 698.750.000 đồng (sáu trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ghi nhận chị L và anh H không yêu cầu vợ anh H cùng có trách nhiệm trả nợ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Trần Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 31.950.000 đồng.

Chị L không phải chịu tiền án phí, chị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 đồng theo biên lai thu số 0017450 ngày 07/6/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thúy Liễu